



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

**Địa chỉ : 10 Trần Hưng Đạo – Hội An**

**Mã chứng khoán : HOT**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
***QUÝ III/2022***

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****TẠI NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2022**

ĐVT : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>3 770 572 790</b>	<b>9 475 780 773</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>767 680 681</b>	<b>7 349 149 603</b>
1. Tiền	111	V.01	767 680 681	2 349 149 603
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		200 337 118	91 236 000
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		567 343 563	2 257 693 603
- Tiền đang chuyển	11C			220 000
2. Các khoản tương đương tiền	112			5 000 000 000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	12A			
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12B			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1 004 262 645</b>	<b>555 905 473</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		990 575 934	819 040 978
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		214 801 433	78 240 000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
- Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	13Z			
- Phải thu nội bộ khác	13Y			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	V.03	92 635 536	407 814 192
- Phải thu khác 138	13A		42 135 536	357 814 192
- Phải thu khác -141	13B		500 000	
- Phải thu khác 244	13C		50 000 000	50 000 000
- Phải trả khác 3388	13E			
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		- 293 750 258	- 749 189 697
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1 627 620 657</b>	<b>1 477 603 480</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1 627 620 657	1 477 603 480
- Hàng mua đang đi trên đường	148			
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		269 471 526	234 535 906
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143		972 219 449	873 465 599
- Chi phí SXKD dở dang	144			
- Thành phẩm tồn kho	145			
- Hàng hóa tồn kho	146		385 929 682	369 601 975
- Hàng hoá kho bảo thuế	14A			
- Hàng gửi đi bán	147			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>371 008 807</b>	<b>93 122 217</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		358 020 144	79 066 685
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
- Thuế GTGT đầu vào	153			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	12 988 663	14 055 532
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
- Tài sản ngắn hạn khác (1381)	15A			
- Tài sản ngắn hạn khác (141)	15B			
- Tài sản ngắn hạn khác (144)	15C			
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>62 492 532 511</b>	<b>66 147 172 895</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
- Phải thu dài hạn khác (244)	21A			
- Phải thu dài hạn khác (138..)	21B			
- Phải thu dài hạn khác (331..)	21C			
- Phải thu dài hạn khác (338..)	21D			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.08</b>	<b>46 110 775 933</b>	<b>48 896 850 914</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		41 138 486 588	43 924 561 569
- Nguyên giá	222		192 927 317 093	196 105 798 329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-151 788 830 505	-152 181 236 760
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	4 972 289 345	4 972 289 345
- Nguyên giá	228		8 416 184 634	8 416 184 634
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-3 443 895 289	-3 443 895 289
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5 045 151 054</b>	<b>5 045 151 054</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5 045 151 054	5 045 151 054
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7 920 598 278</b>	<b>8 586 891 822</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		11 963 012 280	11 963 012 280
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
- Đầu tư vào công ty liên kết	25A			
- Đầu tư vào công ty liên doanh	25B			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	259		-4 042 414 002	-3 376 120 458
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3 416 007 246</b>	<b>3 618 279 105</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3 416 007 246	3 618 279 105
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>66 263 105 301</b>	<b>75 622 953 668</b>

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>23 450 286 143</b>	<b>17 986 558 549</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>23 376 981 941</b>	<b>17 913 254 347</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	4 750 000 000	
- Vay ngắn hạn	A31		4 750 000 000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả	B31			
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		2 253 796 623	3 160 641 645
3. Người mua trả tiền trước	313		574 474 980	798 836 215
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	12 315 388 863	10 922 433 763
5. Phải trả người lao động	315		1 791 410 531	1 848 650 415
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	662 578 668	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	766 661 881	715 954 650
- Phải trả&phải nộp khác(3388)	31A		601 764 482	715 954 650
- Phải trả&phải nộp khác(138)	31B			
- Phải trả&phải nộp khác(3382)	31C			
- Phải trả&phải nộp khác(33883)	31D			
- Phải trả&phải nộp khác(3383)	31E		164 897 399	
- Phải trả&phải nộp khác(3384)	31F			
- Phải trả&phải nộp khác(3386)	31C			
- Phải trả&phải nộp khác(451)	31G			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		262 670 395	466 737 659
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>73 304 202</b>	<b>73 304 202</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
- Phải trả dài hạn khác (3385)	33A			
- Phải trả dài hạn khác (344)	33B			
- Phải trả dài hạn khác (338--)	33C			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	V.20		
- Vay dài hạn	33E			
- Nợ dài hạn	33D			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	73 304 202	73 304 202
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>42 812 819 158</b>	<b>57 636 395 119</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>42 812 819 158</b>	<b>57 636 395 119</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80 000 000 000	80 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		- 630 000	- 630 000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22 388 700 778	22 388 700 778
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-59 575 251 620	-44 751 675 659

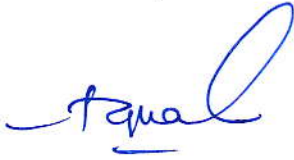
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	41A		-44 751 675 659	-23 878 825 043
- LNST chưa phân phối kỳ này	41B		-14 823 575 961	-20 872 850 616
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	43A			
- Chi sự nghiệp	43B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>66 263 105 301</b>	<b>75 622 953 668</b>

Hội An, ngày 19 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






NGUYỄN THỊ THU QUANH

NGUYỄN THỊ THU QUANH

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
 QUÝ III/2022**

**ĐVT:VNĐ**

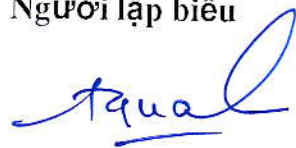
Chỉ tiêu	TM	Quý III/2022	Quý III/2021	Lũy kế (Năm nay)	Lũy kế (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	12 489 271 358	8 192 928 339	24 674 148 333	17 241 033 330
2. Các khoản giảm trừ					
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại					
- Thuế tiêu thụ ĐB phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		12 489 271 358	8 192 928 339	24 674 148 333	17 241 033 330
4. Giá vốn hàng bán	VI.27	12 409 893 662	10 253 572 022	30 562 022 241	27 239 553 677
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		79 377 696	-2 060 643 683	-5 887 873 908	-9 998 520 347
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	3 034 932	52 738 246	38 594 604	321 480 366
7. Chi phí tài chính	VI.28	19 418 013	226 534	764 495 528	859 703 194
- Trong đó: Lãi vay phải trả		18 799 725		96 556 488	10 044 008
8. Chi phí bán hàng		659 224 305	161 708 529	1 256 716 806	397 588 331
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2 660 207 833	1 952 892 124	6 946 465 627	6 234 651 395
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30=20+(21-22)-(24+25)}		-3 256 437 523	-4 122 732 624	-14 816 957 265	-17 168 982 901
11. Thu nhập khác		1 993 257	4 289 129	4 183 090	113 337 832
12. Chi phí khác		5 081 960	15 204 337	10 801 786	64 786 397
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		- 3 088 703	- 10 915 208	- 6 618 696	48 551 435
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		-3 259 526 226	-4 133 647 832	-14 823 575 961	-17 120 431 466
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		-3 259 526 226	-4 133 647 832	-14 823 575 961	-17 120 431 466
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					

Hội An, ngày 19 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Thu Quanh

Nguyễn Thị Thu Quanh

Nguyễn Thị Ngọc Lan

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế đến 30/09/2022	Lũy kế đến 30/09/2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-14 823 575 961	-17 120 431 466
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			<b>3 520 057 541</b>	<b>4 271 076 812</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02		2 786 074 981	3 794 473 456
- Các khoản dự phòng	03		676 283 544	902 494 767
+ Các khoản dự phòng hoàn nhập	0301			
+ Các khoản dự phòng đã lập được ghi nhận	0302		676 283 544	902 494 767
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		- 254 225	- 1 116 055
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		- 38 603 247	- 434 819 364
- Chi phí lãi vay	06		96 556 488	10 044 008
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>-11 303 518 420</b>	<b>-12 849 354 654</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7 082 267	-1 330 146 114
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		- 150 017 177	68 585 924
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		917 794 858	8 464 556 614
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		- 76 681 600	1 337 408 254
- Tiền lãi vay đã trả	13		- 96 556 488	- 10 044 008
+ Tiền lãi vay đã trả (6354)	1301		- 96 556 488	- 10 044 008
+ Tiền lãi vay đã trả khác	1302			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
+ Thu do nhận ký cược ký quỹ	1501			
+ Thu hồi các khoản ký cược	1502			
+ Thu từ nguồn kinh phí sự nghiệp	1503			
+ Tiền được các tổ chức cá nhân bên ngoài thưởng, tặng quỹ DN	1504			
+ Tiền được ghi tặng quỹ do cấp trên hoặc cấp dưới nộp	1505			
+ Thu khác	1598			
+ Khác	1599			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		- 629 826 587	-1 671 580 636
+ Tiền đưa đi ký cược ký quỹ	1601			
+ Tiền trả lại các khoản đã nhận ký cược	1602			
+ Tiền chi trực tiếp từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	1603		- 204 067 264	- 155 648 000
+ Tiền chi trực tiếp từ các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1604			
+ Tiền chi trực tiếp bằng nguồn vốn KP sự nghiệp, dự án	1605			
+ Chi khác	1698		- 425 759 323	-1 515 932 636
+ Khác	1699			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>-11 331 723 147</b>	<b>-5 990 574 620</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21			-4 133 985 893
+ Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	2101			-4 133 985 893
+ Phải thu người bán	2102			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22			
+ Số tiền thu	2201			
+ Số tiền chi	2202			

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế đến 30/09/2022	Lũy kế đến 30/09/2021
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			11 000 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
+ Thu hồi đầu tư từ phải thu khách hàng (131)	2601			
+ Khác	2602			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>			<b>6 866 014 107</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thụ từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10 757 509 945	1 293 461 000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-6 007 509 945	-1 293 461 000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>4 750 000 000</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>-6 581 723 147</b>	<b>875 439 487</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>7 349 149 603</b>	<b>8 391 582 850</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		254 225	1 116 055
+ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - tăng	6101		254 225	1 116 055
+ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - giảm	6102			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>767 680 681</b>	<b>9 268 138 392</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Quanh

Hội An, ngày 19 tháng 10 năm 2022

Tổng giám đốc




Nguyễn Thị Ngọc Lan



# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### I. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Du lịch – Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030702234 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã 8 lần điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/06/2020 với mã số mới là 4000102418), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty niêm yết cổ phần phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HOT. Ngày chính thức giao dịch là ngày 21/07/2011.

Công ty có 5 chi nhánh và 2 Văn phòng đại diện :

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khách sạn Hội An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu Du lịch Biển Hội An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Trung tâm Lữ hành Hội An  
(Chấm dứt hoạt động từ ngày 05 tháng 04 năm 2018)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Xí nghiệp Giặt Hội An  
(Chấm dứt hoạt động từ ngày 27 tháng 11 năm 2017)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu DLND Tam Thanh
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại Hà Nội

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Khách sạn;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải ven biển bằng ca nô;
- Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý đối ngoại tệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Chi tiết: Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Nhà hàng, quán ăn, ăn uống;

# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

- Hoạt động vui chơi giải trí. Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ internet;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.

## II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty. Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc Báo cáo tài chính riêng kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khu ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 5 năm.

### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

## 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

Tài sản cố định vô hình Công ty bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 5 năm.

## **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## **11. Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: **HOT**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **15. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: **HOT**

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **17. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất 10% đối với các dịch vụ lưu trú, nhà hàng, dịch vụ lữ hành du lịch và các dịch vụ khác.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Áp dụng thuế suất 30% đối với dịch vụ massage.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	200.337.118	91.236.000
Tiền gửi ngân hàng	567.343.563	2.257.693.603
Tiền đang chuyển	-	220.000
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>767.680.681</u></b>	<b><u>7.349.149.603</u></b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm.

**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty	-	-
Phải thu khách hàng của Khách sạn Hội An	441.400.003	485.183.278
Phải thu khách hàng của Khu Du Lịch Biển	453.856.802	279.520.700
Phải thu khách hàng của DLND Tam Thanh	95.319.129	54.337.000
<b>Cộng</b>	<b><u>990.575.934</u></b>	<b><u>819.040.978</u></b>

**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp tại Văn phòng Công ty	143.931.250	78.240.000
Nhà cung cấp tại Khách sạn Hội An	11.710.600	-
Nhà cung cấp tại Khu Du Lịch Biển	59.159.583	-
Nhà cung cấp tại DLND Tam Thanh	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>214.801.433</u></b>	<b><u>78.240.000</u></b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng vé máy bay	-	-
Phải thu tiền BHXH	-	-
Phải thu đặt cọc	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải thu khác	42.635.536	334.578.575
Phải thu lãi tiền gửi (lãi dự thu)	-	23.235.617
<b>Cộng</b>	<b><u>92.635.536</u></b>	<b><u>407.814.192</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	269.471.526	234.535.906
Công cụ, dụng cụ	972.219.449	873.465.599
Hàng hóa	385.929.682	369.601.975
<b>Cộng</b>	<b><u>1.627.620.657</u></b>	<b><u>1.477.603.480</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	<u>358.020.144</u>	<u>79.066.685</u>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Vườn cây lâu năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	147.033.169.063	34.585.912.963	7.166.260.836	6.869.360.467	451.095.000	196.105.798.329
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Tăng do mua sắm mới</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	102.010.500	2.701.527.782	-	374.942.954	-	3.178.481.236
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	102.010.500	2.701.527.782	-	374.942.954	-	3.178.481.236
<i>Giảm do đầu tư vào công ty con</i>	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	146.931.158.563	31.884.385.181	7.166.260.836	6.494.417.513	451.095.000	192.927.317.093
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	105.609.715.500	32.740.407.747	7.166.260.836	6.213.757.677	451.095.000	152.181.236.760
Tăng do trích khấu hao	2.073.923.225	496.044.353	-	216.107.403	-	2.786.074.981
Giảm do thanh lý, nhượng bán	102.010.500	2.701.527.782	-	374.942.954	-	3.178.481.236
Giảm do đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	107.581.628.225	30.534.924.318	7.166.260.836	6.054.922.126	451.095.000	151.788.830.505
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	41.423.453.563	1.845.505.216	-	655.602.790	-	43.924.561.569
Số cuối kỳ	39.349.530.338	1.349.460.863	-	439.495.387	-	41.138.486.588

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	2.842.004.634	5.574.180.000	8.416.184.634
Tăng do đánh giá lại	-	-	-
Giảm do đầu tư vào công ty con	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HQT

	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.842.004.634</b>	<b>5.574.180.000</b>	<b>8.416.184.634</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	2.842.004.634	601.890.655	3.443.895.289
Tăng do trích khấu hao	-	-	-
Giảm do đầu tư công ty con	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.842.004.634</b>	<b>601.890.655</b>	<b>3.443.895.289</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	-	4.972.289.345	4.972.289.345
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>4.972.289.345</b>	<b>4.972.289.345</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển phân bổ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- HM tại Khu DL Biển	-	-	-	-	-
- Dự án khác	-	-	-	-	-
- Dự án Khu Thanh Tây	-	-	-	-	-
- HM tại KS Hội An	5.045.151.054	-	-	-	5.045.151.054
<b>Cộng</b>	<b>5.045.151.054</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.045.151.054</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	<b>3.416.007.246</b>	<b>3.618.279.105</b>

**12. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp cho Văn Phòng Công ty	250.936.128	1.290.833.221
Nhà cung cấp cho Khách sạn Hội An	1.158.698.950	903.133.691
Nhà cung cấp cho Khu du lịch Biển Hội An	677.139.882	924.614.082
Nhà cung cấp cho DLND Tam Thanh	167.021.663	42.060.651
<b>Cộng</b>	<b>2.253.796.623</b>	<b>3.160.641.645</b>

**13. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng của Khách sạn Hội An	175.990.821	141.761.911
Khách hàng của Khu du lịch Biển Hội An	394.775.159	650.576.015
Khách hàng của Văn phòng Công ty	-	-
Khách hàng của DLND Tam Thanh	3.709.000	6.498.289
<b>Cộng</b>	<b>574.474.980</b>	<b>798.836.215</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	78.764.800	1.196.421.748	349.944.422	925.242.126
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.641.380	145.400.157	148.264.989	1.776.548
Tiền thuê đất	5.264.785.817	5.808.580.002	5.264.785.817	5.808.580.002
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.574.180.000	-	-	5.574.180.000
Thuế nhà thầu	61.766	41.549.445	36.001.024	5.610.187
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.922.433.763</b>	<b>7.197.951.352</b>	<b>5.804.996.252</b>	<b>12.315.388.863</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh dịch vụ Spa với thuế suất 30%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty bao gồm:

Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh

**Cộng**Số phát sinh**Tiền thuê đất, thuế nhà đất**

Công ty phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	<b>662.578.668</b>	-

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	164.897.399	20.400.292
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thù lao Hội đồng Quản trị	142.500.000	142.500.000
Phải trả phải nộp khác	459.264.482	553.054.358
<b>Cộng</b>	<b><u>766.661.881</u></b>	<b><u>715.954.650</u></b>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	8.363.172	114.582.172
Quỹ phúc lợi	254.307.223	352.155.487
<b>Cộng</b>	<b><u>262.670.395</u></b>	<b><u>466.737.659</u></b>

**18. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>Cộng</u>
Số dư tại 01/01/2021	80.000.000.000	(630.000)	22.388.700.778	(23.878.825.043)	78.509.245.735
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	20.872.850.616	20.872.850.616
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b><u>80.000.000.000</u></b>	<b><u>(630.000)</u></b>	<b><u>22.388.700.778</u></b>	<b><u>(44.751.675.659)</u></b>	<b><u>57.636.395.119</u></b>
Số dư tại 01/01/2022	80.000.000.000	(630.000)	22.388.700.778	(44.751.675.659)	57.636.395.119
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	14.823.575.961	14.823.575.961
<b>Số dư tại 30/09/2022</b>	<b><u>80.000.000.000</u></b>	<b><u>(630.000)</u></b>	<b><u>22.388.700.778</u></b>	<b><u>(59.575.251.620)</u></b>	<b><u>42.812.819.158</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	63	63
- Cổ phiếu phổ thông	63	63
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.937	7.999.937
- Cổ phiếu phổ thông	7.999.937	7.999.937
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND,	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	<u>Quý III/2022</u>	<u>Quý III/2021</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>12.489.271.358</b>	<b>8.192.928.339</b>
<i>Doanh thu Khách sạn Hội An</i>	5.550.461.807	4.041.119.470
<i>Doanh thu Khu Du Lịch Biển</i>	5.548.067.744	3.781.212.894
<i>Doanh thu DLND Tam Thanh</i>	1.330.741.807	310.595.975
<i>Doanh thu Văn phòng Công ty</i>	60.000.000	60.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.489.271.358</u></b>	<b><u>8.192.928.339</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý III/2022</u>	<u>Quý III/2021</u>
Giá vốn Khách sạn Hội An	6.386.254.303	5.033.277.142
Giá vốn Khu Du Lịch Biển	4.544.525.893	4.124.529.938
Giá vốn DLND Tam Thanh	1.479.113.466	1.095.764.942
<b>Cộng</b>	<b><u>12.409.893.662</u></b>	<b><u>10.253.572.022</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý III/2022</u>	<u>Quý III/2021</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	51.430.137
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.868.551	1.308.109
Lãi chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	166.381	-
Lãi dự thu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.034.932</u></b>	<b><u>52.738.246</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Quý III/2022</u>	<u>Quý III/2021</u>
Chi phí lãi vay	18.799.725	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	618.288	226.534
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>19.418.013</u></b>	<b><u>226.534</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý III/2022</u>	<u>Quý III/2021</u>
Chi phí cho nhân viên	223.607.488	95.249.870
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	10.576.792	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.535.419	38.737.828
Chi phí hoa hồng	346.837.757	5.408.925
Chi phí bằng tiền khác	24.666.849	22.311.906
<b>Cộng</b>	<b><u>659.224.305</u></b>	<b><u>161.708.529</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý III/2022</u>	<u>Quý III/2021</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.515.990.660	1.430.432.911
Chi phí đồ dùng văn phòng	67.367.047	41.384.586
Chi phí khấu hao TSCĐ	54.978.901	73.544.902
Chi phí trợ cấp mất việc	387.400.000	10.845.000
Thuế, phí và lệ phí	66.709.437	15.517.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	421.518.387	220.141.573
Chi phí bằng tiền khác	146.243.401	161.025.401
<b>Cộng</b>	<b><u>2.660.207.833</u></b>	<b><u>1.952.892.124</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Quý III/2022</u>	<u>Quý III/2021</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC	-	-
Xử lý công nợ		
Thu nhập khác	1.993.257	4.289.129
<b>Cộng</b>	<b><u>1.993.257</u></b>	<b><u>4.289.129</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Quý III/2022</u>	<u>Quý III/2021</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định, nhượng bán, thanh lý	-	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ		
Chi phí khác	5.081.960	15.204.337
<b>Cộng</b>	<b><u>5.081.960</u></b>	<b><u>15.204.337</u></b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý III/2022</u>	<u>Quý III/2021</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.259.526.226)	(4.133.647.832)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.999.937	7.999.937
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2022**

Mã chứng khoán: HOT

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	63	63
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>7.999.937</b>	<b>7.999.937</b>

**VII.NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1.Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

**Lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/09/2022**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc	1.081.646.000	1.239.300.000
Tiền thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị	427.500.000	510.800.000
<b>Cộng</b>	<b>1.509.146.000</b>	<b>1.750.100.000</b>

**2. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận chủ yếu là báo cáo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của từng bộ phận và được trình bày theo chuẩn mực 28. (theo bảng phụ lục đính kèm)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Quanh

Lập, ngày 19 tháng 10 năm 2022

Tổng Giám đốc

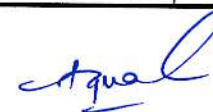


Nguyễn Thị Ngọc Lan



**BÁO CÁO LÃI LỖ BỘ PHẬN  
QUÝ III/2022**

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng cộng	Văn phòng công ty	Khách sạn Hội An	Khu du lịch Biển	Khu DLND Tam Thanh
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV</b>	01	12 489 271 358	60 000 000	5 550 461 807	5 548 067 744	1 330 741 807
<b>2. Các khoản giảm trừ</b>	02					
- Chiết khấu thương mại	04					
- Giảm giá hàng bán	05					
- Hàng bán bị trả lại	06					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	07					
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	10	12 489 271 358	60 000 000	5 550 461 807	5 548 067 744	1 330 741 807
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	11	12 409 893 662		6 386 254 303	4 544 525 893	1 479 113 466
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)</b>	20	79 377 696	60 000 000	- 835 792 496	1 003 541 851	- 148 371 659
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	21	3 034 932	452 208	1 196 461	1 343 953	42 310
<b>7. Chi phí tài chính</b>	22	19 418 013	18 799 725	96 764	521 524	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	18 799 725	18 799 725			
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	24	659 224 305	165 880 289	104 950 705	336 642 628	51 750 683
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	25	2 660 207 833	1 896 110 454	242 865 494	388 109 328	133 122 557
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	30	-3 256 437 523	-2 020 338 260	-1 182 508 998	279 612 324	- 333 202 589
<b>11. Thu nhập khác</b>	31	1 993 257	2 370	1 988 393	2 494	
<b>12. Chi phí khác</b>	32	5 081 960		3 361 120	332 674	1 388 166
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40	- 3 088 703	2 370	- 1 372 727	- 330 180	- 1 388 166
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50	-3 259 526 226	-2 020 335 890	-1 183 881 725	279 282 144	- 334 590 755
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	51					
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	60	-3 259 526 226	-2 020 335 890	-1 183 881 725	279 282 144	- 334 590 755



Cùng kỳ năm trước

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng cộng	Văn phòng công ty	Khách sạn Hội An	Khu du lịch Biển	Khu DLND Tam Thanh
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>01</b>	<b>8 192 928 339</b>	<b>60 000 000</b>	<b>4 041 119 470</b>	<b>3 781 212 894</b>	<b>310 595 975</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>					
- Chiết khấu thương mại	04					
- Giảm giá hàng bán	05					
- Hàng bán bị trả lại	06					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	07					
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>8 192 928 339</b>	<b>60 000 000</b>	<b>4 041 119 470</b>	<b>3 781 212 894</b>	<b>310 595 975</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>10 253 572 022</b>		<b>5 033 277 142</b>	<b>4 124 529 938</b>	<b>1 095 764 942</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>-2 060 643 683</b>	<b>60 000 000</b>	<b>- 992 157 672</b>	<b>- 343 317 044</b>	<b>- 785 168 967</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	<b>52 738 246</b>	<b>52 528 343</b>	<b>96 308</b>	<b>88 272</b>	<b>25 323</b>
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>	<b>226 534</b>			<b>226 534</b>	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23					
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	<b>24</b>	<b>161 708 529</b>		<b>84 177 507</b>	<b>41 179 383</b>	<b>36 351 639</b>
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>1 952 892 124</b>	<b>1 344 729 572</b>	<b>194 349 281</b>	<b>278 977 785</b>	<b>134 835 486</b>
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>	<b>-4 122 732 624</b>	<b>-1 232 201 229</b>	<b>-1 270 588 152</b>	<b>- 663 612 474</b>	<b>- 956 330 769</b>
11. Thu nhập khác	31	4 289 129	844	4 288 285		
12. Chi phí khác	32	15 204 337		3 123 508	11 263 058	817 771
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>- 10 915 208</b>	<b>844</b>	<b>1 164 777</b>	<b>- 11 263 058</b>	<b>- 817 771</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>-4 133 647 832</b>	<b>-1 232 200 385</b>	<b>-1 269 423 375</b>	<b>- 674 875 532</b>	<b>- 957 148 540</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>-4 133 647 832</b>	<b>-1 232 200 385</b>	<b>-1 269 423 375</b>	<b>- 674 875 532</b>	<b>- 957 148 540</b>

*Handwritten signature*